UBND HUYỆN SÔNG MÃ
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17.1/QĐ-TTYT

Sông Mã, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 đối với TTYT huyện Sông Mã

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Sông Mã về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-SYT ngày 26/12/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-SYT ngày 31/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sơn La về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 24/07/2024 của UBND huyện Sông Mã việc giao dự toán thu, chi 7 tháng cuối năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Y tế Sông Mã .

(Có phụ biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Giao các lãnh đạo các khoa, phòng và các trạm y tế trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Sông Mã thông báo tới viên chức thuộc khoa, phòng và trạm y tế

quản lý nắm bắt; giao bộ phận kế toán niêm yết trên bảng tin, khoa Dân số - Truyền thông – CSSKSS công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị theo quy định.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp và Trưởng các Khoa, Phòng, Trạm y tế và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Ban giám đốc;
- Các Khoa, phòng và 19 TYT;
- Lưu: HC-TH, VT.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ - TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ

Đặng Huy Cường

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Sông Mã

Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Mã, ngày 11 tháng 02 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Y tế huyện Sông Mã công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	*1.407,97*	*3.541,25*	*251,51*	168,07
I	**Số thu phí, lệ phí**	**828,58**	**1.766,62**	213,21	**218,81**
1	**Lệ phí**				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	**Phí**	**828,58**	**1.766,62**	213,21	**293,81**
	Thu sự nghiệp y tế	798,07	1.739,95	218,02	297,19
	Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện VSATTP	30,52	26,67	87,39	168,73
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**570,23**	**452,74**	**79,40**	64,83
1	***Chi sự nghiệp y tế.***	570,23	452,74	79,40	64,83
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	570,23	452,74	79,40	64,83
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**9,16**	**8,01**	**87,45**	**64,18**
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí…				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Lệ phí…				
2	Phí	9,16	8,01	87,45	64,20
	Phí VSATTP	*9,16*	8,01	87,45	64,20
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**42.118,18**	**41.967,35**	**196,37**	**107,34**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**40.578,82**	**40.481,75**	**99,86**	**104,31**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**40.578,82**	**40.481,75**	**99,86**	**104,31**
4.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	34.575,00	34.477,93	*99,72*	125,43
4.3	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	6.003,82	6.003,82	*100,00*	53,03
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**1.539,36**	**1.485,60**	**96,51**	**241,04**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**1.539,36**	**1.485,60**	**96,51**	**241,04**
4.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã DA: 0517)	992,35	940,524	94,78	442,93
4.2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (TDA1 hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp)	547,01	545,08	99,65	134,92
-	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*	*547,01*	*545,08*	*99,65*	*134,92*
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Sông Mã, ngày 11 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ - TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ

Đặng Huy Cường